

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 07 – 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1991 tại xã TAKĐ; Nơi cư trú: Ấp TA A, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1962 và bà Phan Thị T, sinh năm 1965; có vợ là Trần Thị N, sinh năm 1994; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam ngày 23/01/2018 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TP B, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/12/2017, Trần Văn L ở nhà một mình tại ấp TP B, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nhà của cha, mẹ vợ L), L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị X (mẹ vợ của L). Sau đó, L đến vị trí cục gạch tàu lót nền nhà là nơi cất giấu tài sản của bà X, L lén lút lấy bao vải màu đỏ

có chữ QUỐC AN 2 – QUỐC AN 3, trong bao vải có 01 tấm lặc (*khoen lặt*) và 01 chiếc nhẫn (*mặt tợ*) với trọng lượng là 20 chỉ vàng 24k của bà Nguyễn Thị X.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 22/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐD kết luận: 01 nhẫn vàng 24k (*mặt tợ*) trọng lượng 10 chỉ x giá 3.590.000đ = 35.900.000đ, tiền công 100.000đ; 01 lặc vàng 24k (*khoen lặt*) trọng lượng 10 chỉ x giá 3.590.000đ = 35.900.000đ, tiền công 100.000đ. Tổng cộng là 72.000.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 túi màu đỏ có kích thước 0,1m x 0,1m có chữ tiem vàng QUỐC AN 2 và QUỐC AN 3 (*đã qua sử dụng*).

Từ những tình tiết nêu trên, tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐD đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L, yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 70.000.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt: Trần Văn L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Trần Văn L phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị X số tiền 70.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ Luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy 01 túi màu đỏ đã qua sử dụng và hiện nay không còn giá trị sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi đánh bài của Trần Văn L khai nhận tại Cơ quan điều tra cùng với D và Đ đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ĐD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn L hoàn toàn thừa nhận hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD truy tố, cụ thể: Vào khoảng 08 giờ ngày 12/12/2017, bị cáo đã lên lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 tấm lắt (*khoen lắt*) và 01 chiếc nhẫn (*mặt tợ*) với trọng lượng là 20 chỉ vàng 24k của bà Nguyễn Thị X, tổng giá trị tài sản trộm là 72.000.000đ.

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ;”.

Do đó, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐD đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bởi lẽ, trước và trong khi phạm tội bị cáo L đã nhận thức được hành vi trộm cắp của bị cáo là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, nhưng với bản tính tham lam, không lo làm ăn, chịu khó lao động để có thu nhập lo cho bản thân và gia đình, mà thích hưởng thụ, muốn có tiền mà không cần lao động, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm xấu tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc, đó là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhằm để răn đe và có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo phạm tội không có tiền tiết tăng nặng; chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo có

thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó Hội đồng xét xử có xem xét đầy đủ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bà X yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 70.000.000đ. Bị cáo L đồng ý bồi thường cho bà X số tiền 70.000.000đ. *Xét thấy*: Việc thỏa thuận về số tiền bồi thường giữa bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Mặc dù, giá trị tài sản do bị cáo L trộm được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện ĐD định giá là 72.000.000đ, nhưng bà X chỉ yêu cầu bồi thường 70.000.000đ. Thấy rằng, đây là quyền tự định đoạt của bà X nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo L phải bồi thường cho bà X số tiền 70.000.000đ là phù hợp.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra có thu giữ 01 túi màu đỏ có kích thước 0,1m x 0,1m có chữ tiem vàng QUỐC AN 2 và QUỐC AN 3 (*đã qua sử dụng*). Tại phiên tòa bị hại, bị cáo thừa nhận cái túi màu đỏ là của bị hại và bị hại không yêu cầu nhận lại. *Xét thấy*: 01 túi màu đỏ đã qua sử dụng và hiện nay không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] *Về án phí*: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với hành vi đánh bài của Trần Văn L khai nhận tại Cơ quan điều tra cùng với D và Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện ĐD tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giam 23/01/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Trần Văn L phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị X số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

3. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Văn L chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bị cáo L còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 01 túi màu đỏ có kích thước 0,1m x 0,1m có chữ tiem vàng QUỐC AN 2 và QUỐC AN 3 (đã qua sử dụng).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự: Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.500.000đ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Trương Minh Thịnh